

Bản án số: **46/2022/HS-PT**

Ngày: 14/6/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Các Thẩm phán:

Ông **Trần Minh Long**

Bà **Đỗ Thị Thúy Năng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lại Thị Thanh Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 14/6/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo Vũ Thị Sâ, Nguyễn Ngọc C do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2022/HS-ST ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo:

1. VŨ THỊ SÂ; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 26/4/1985, tại tỉnh Gia Lai. Nơi ĐKNHKTT: Thôn 5, xã I, huyện S, tỉnh Gia Lai, Nơi tạm trú: Số 195 đường V, phường A, quận L, thành phố Đà Nẵng; Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: LĐPT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nữ. Con ông Vũ Thanh B (*chết*) và bà Nguyễn Thị L (*còn sống*); Có chồng Quách Thế V (*đã ly hôn*) và có 01 con sinh năm 2010 (*con do chồng nuôi sau ly hôn*). Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị bắt tạm giam ngày 11/9/2021; Hủy bỏ biện pháp tạm giam cho bảo lãnh ngày 10/01/2022. Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN NGỌC C; Tên gọi khác: B, Sinh ngày: 10/02/1983, tại TP.Đà Nẵng. Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Tổ 08 phường P, quận L, thành phố Đà Nẵng. Trình độ học vấn: 7/12. Nghề nghiệp: LĐPT. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Thiên Chúa giáo; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị Th (*Đều còn sống*); Có vợ là Đỗ Thị Ti (*đã ly hôn*), và có 01 con sinh năm 2013 (*con do bị cáo nuôi sau khi ly hôn*). Tiền sự: Chưa.

Về nhân thân: Ngày 17/02/2003, bị Tòa Phúc thẩm TAND Tối cao tại Đà Nẵng: Xử phạt 04 (*bốn*) năm tù về tội Cướp tài sản (Bản án số 08/2003/HSPT)

Ngày 20/6/2006, bị TAND TP. Đà Nẵng xử phạt 60 tháng tù về tội Cướp giật tài sản (Bản án số 82/2006/HSPT).

Bị bắt ngày 28/12/2021. Bị cáo hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Trần Thị Hoàng La, Cao Xuân H, Nguyễn Thị Lơ, Thái Vĩnh Sơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 03/9/2020, trong lúc Sâ, Lơ, C và H đang ở tại phòng trọ của Sâ (*số 194 Bùi V, TP. Đà Nẵng*), thì Sâ và La nhắn tin qua lại với nhau nói chuyện, trong đó có việc Sâ rủ La kiếm chỗ để “bay” (*theo Sâ khai “bay tức là hát karaoke và sử dụng ma túy*) thì La đồng ý và cả 02 thống nhất sẽ đến quán karaoke Sh để sử dụng ma túy nên La đã gọi điện thoại cho Sơ để Sơ đặt phòng và hỏi Sơ có biết chỗ nào lấy ma túy không thì Sơ nói có. Tuy nhiên do chưa chốt được số lượng người sẽ tham gia nên La nói Sơ sẽ báo lại sau. Sau đó, La tiếp tục liên lạc với Sâ, trong đó có nội dung La hỏi nhóm Sâ đi mấy người để La biết mua ma túy về sử dụng thì Sâ nói 05 người, nên Sâ và La đã thống nhất với nhau là mua 05 viên thuốc lắc với 01 chỉ ma túy ketamine. Tiếp đó, La gọi điện cho Sơ để báo số lượng ma túy như trên. Cùng thời điểm đó, La nói với Sâ là rủ thêm T đi thì Sâ đồng ý và La nói Sâ muốn T đi thì phải nhậu say đã T mới đi, nên Sâ gọi điện cho T nói đến quán karaoke Sh nhậu. Sau đó, Sâ, Lơ và C đã nói chuyện với nhau về việc góp tiền để đi hát và sử dụng ma túy thì thống nhất sau khi chơi sẽ chia đầu người để góp. Tiếp đó, Sâ gọi điện thoại rủ T đi cùng nhưng T không bắt máy nên Sâ nói H chờ Sâ, C và L qua nhà T tại đường Nguyễn Chí T, TP. Đà Nẵng để đón T. Lúc này H đã biết là đi sử dụng ma túy, do H mới đi cai nghiện về nên từ chối, nhưng do mọi người vẫn rủ đi nên H đồng ý và chờ cả nhóm đi. Trên đường đi, do chỉ có C biết nhà T nên Sâ nói C vào gọi T, mặc dù biết là đi sử dụng ma túy nhưng C vẫn đồng ý và vào gọi T đi. Sau đó cả 05 người đến quán karaok Sh. Trên đường đi, La có gọi cho Sâ và nói Sâ ghé quán tạp hóa mua nước đá, kẹo cao su để sử dụng, trong lúc mọi người xuống xe mua đồ, còn H quay xe thì giữa H và Sâ có nói qua lại với nhau

về việc đến karaoke Sh sử dụng ma túy với nội dung là H không muốn đi, nhưng sau đó H vẫn đồng ý chở Sâ và 04 người còn lại đến quán karaoke Sh.

Cùng thời điểm đó, La rủ Th, D (*ở cùng chung cư*) đi cùng (*Th và D là nhân viên phục vụ, đến phục vụ để được bo tiền*) thì cả 02 đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, La, D, Th đigrap đến quán karaoke Sh, khi đến nơi thì T và Sơ cũng đến. Cả nhóm được 01 nhân viên của quán karaoke ra mở cửa và dẫn vào phòng 401. Khoảng 05 phút sau thì nhóm của Sâ cũng đến và vào phòng 401.

Về phần Thái Vĩnh Sơ: Sau khi La gọi điện nói Sơ đặt phòng thì Sơ đồng ý và liên hệ với Trần Thanh Tùn (*là người quản lý quán karaoke Shark*), đặt phòng 401 quán karaoke Sh thì Tùn đồng ý. Khi cả 02 nhóm đến phòng 401 được một lúc thì La nói lại với Sơ mua 05 viên thuốc lắc với 01 chỉ Ketamine, S đồng ý và liên hệ với đối tượng tên N (*chưa rõ nhân thân lai lịch*) mua 05 viên ma túy thuốc lắc và 01 chỉ Ketamine với giá 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) nhưng chưa trả tiền. Sau khi mua được ma túy, Sơ mang ma túy đến phòng 401 và đưa cho L. Sau đó, các đối tượng tự lấy mỗi người $\frac{1}{2}$ viên ma túy thuốc lắc sử dụng bằng cách cho vào miệng rồi lấy nước uống.

Đối với gói ma túy Ketamine, mặc dù C không thừa nhận là người đã xào ma túy cho cả nhóm sử dụng, nhưng tại các BL: số 243, 437 đã thể hiện C là người xào ma túy Ketamine, sau đó chỉ có Sơ, Tù khai nhận đã sử dụng.

Lúc 21 giờ 30 ngày 03/9/2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận T tiến hành kiểm tra quán karaoke Sh tại số 179 đường Phạm Văn Đ, phường B, quận T phát hiện Vũ Thị Sâ, Trần Thị Hoàng La (Á), Thái Vĩnh Sơ, Cao Xuân H, Nguyễn Thị Lợ, Nguyễn Ngọc C, Lê Văn Tù, Trần Thị Diệu Th, Ngô Thùy D và Trần Sĩ T. Các bị can và đối tượng Tù, Th, Sơ, D, T khai nhận vừa sử dụng trái phép chất ma túy riêng La không sử dụng.

Về tiền mua ma túy và thuê phòng, Sâ, La, Lợ khai nhận sau khi chơi xong sẽ tính tiền và chia đều cho mỗi người; các đối tượng gồm Lợ, H, C, Sơ khai không ai nói góp tiền nhưng nghĩ chơi xong sẽ góp vì trước đây đã từng chơi. D, Th khai chỉ biết đi tiếp khách, Tù khai nghĩ rằng được mời đi chứ không ai nói góp tiền.

Toàn bộ số ma túy trên, các đối tượng đã sử dụng hết.

Quá trình điều tra, không đối tượng nào khai nhận đã lấy đĩa và đã cuốn ống hút để sử dụng ketamine.

* Qua test nhanh chất ma túy xác định: Sâ, H, Lợ, C, Tù, Th, Sơ, D, T dương tính với chất ma túy tổng hợp.

Tiến hành xét nghiệm nước tiểu tại Trung tâm Y tế quận T xác định các đối tượng Sơ, Tù, Sâ, C và H dương tính với Amphetamine và Methamphetamine.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2022/HS-ST ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Thị Sâ và Nguyễn Ngọc C phạm tội “ Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị Sâ 07 (bảy) năm, 06 (sáu) tháng tù được trừ đi thời hạn tạm giam 63 ngày (từ ngày 09/11/2021 đến ngày 10/01/2022). Buộc bị cáo phải chấp hành 07 (bảy) năm, 03 (ba) tháng, 27 (hai bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc C 07 (bảy) năm; 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/12/2021.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Thị Hoàng La, Cao Xuân H, Nguyễn Thị Lợ, Thái Vĩnh Sơ (*nhưng các bị cáo này không có kháng cáo và không bị kháng nghị theo trình tự phúc thẩm*); về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 04 và ngày 05 tháng 4 năm 2022 các bị cáo Vũ Thị Sâ và Nguyễn Ngọc C có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, Xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Vũ Thị Sâ và Nguyễn Ngọc C giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, xin HĐXX cấp phúc thẩm xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo với lý do: Bị Cáo Sâ hiện đang bị bệnh hiểm nghèo cần có thời gian điều trị bệnh, và bị cáo C hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ già yếu, đang nuôi con còn nhỏ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo trọng hạn luật định, nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: Lúc 21 giờ 30 ngày 03/9/2021, tại phòng 401 quán Karaoke Sh số 179 đường Phạm Văn Đ, phường B, quận T, thành phố Đà Nẵng các bị cáo Vũ Thị Sâ, Nguyễn Ngọc C cùng với một số bị cáo khác gồm (*Trần Thị Hoàng La, Thái Vĩnh Sơ, Cao Xuân H, Nguyễn Thị Lợ*) đã có hành vi “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” cho 04 đối tượng khác thì bị lực lượng Công an quận T, thành phố Đà Nẵng bắt quả tang; Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2022/HS-ST ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo Vũ Thị Sâ, Nguyễn Ngọc C và một số bị cáo khác về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép*”

chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật. Mức hình phạt 07 (bảy) năm, 06 (sáu) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với mỗi bị cáo là phù hợp, không nặng, tại cấp phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Mặc dù, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Ngọc C không thừa nhận về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” cùng với các bị cáo khác; Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo C cùng với bị cáo Sâ khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; HĐXX cấp phúc thẩm có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 03/9/2021, tại phòng 401 quán Karaoke Sh (số 179 đường Phạm Văn Đ, phường B, quận T, TP Đà Nẵng), các bị cáo Vũ Thị Sâ, Nguyễn Ngọc C cùng với các bị cáo Trần Thị Hoàng La, Thái Vĩnh Sơ, Cao Xuân H và Nguyễn Thị Lợi đang có hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là thuốc lắc và Ketamin cho bản thân các bị cáo và 04 đối tượng khác (là Trần Sĩ T, Trần Thị Diệu Th, Lê Văn Tù và Ngô Thùy D) thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận T, thành phố Đà Nẵng tiến hành kiểm tra phát hiện, bắt quả tang. Xét thấy, các bị cáo thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy “Đối với 02 người trở lên” và “Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi” (là bị cáo Sơ). Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2022/HSST ngày 28/3/2022 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng xét xử các bị cáo Sâ, C và các đồng phạm khác về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với hai tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Tuy nhiên, các bị cáo cho rằng mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là quá nặng, hiện tại bị cáo Sâ là người đang bị bệnh hiểm nghèo (*Ung thư tuyến giáp*) cần có thời gian điều trị lâu lâu dài, bị cáo C có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ già yếu trên 70 tuổi, đang nuôi con còn nhỏ sau khi ly hôn với vợ, qua đó xin HĐXX xét giảm nhẹ cho mỗi bị cáo một phần hình phạt, để bị cáo Sâ có thời gian điều trị chữa bệnh hiểm nghèo, bị cáo C lao động, học tập, cải tạo tốt, sớm được đoàn tụ với gia đình làm ăn nuôi con.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo tại cấp phúc thẩm thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Mặc dù, các bị cáo nhận thức được tác hại của các chất ma túy và quy định của pháp luật

về việc nghiêm cấm tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng các bị cáo đã bất chấp sự trừng trị của pháp luật, lén lút tổ chức cho nhiều người sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục, răn đe đối với các bị cáo, phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

[2.2] Xét Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò cũng như nhân thân của từng bị cáo, trong đó đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo Sâ được hưởng theo quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, riêng đối với bị cáo C do tại cấp sơ thẩm bị cáo không thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên không được cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS khi quyết định hình phạt cho bị cáo. Mặc dù, ở cấp phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung tình tiết này cho bị cáo, Tuy nhiên, HĐXX cấp phúc thẩm thấy rằng với mức hình phạt 07 (bảy) năm, 06 (sáu) tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với các bị cáo là phù hợp, không nặng; Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Sâ không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới, bị cáo C tuy được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm s, khoản 1. Khoản 2 Điều 51 BLHS, nhưng về nhân thân bị cáo không tốt. Do đó, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do không được chấp nhận kháng cáo, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Thị Sâ và Nguyễn Ngọc C; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ: Các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Vũ Thị Sâ: 07 (bảy) năm, 06 (sáu) tháng** tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, (*nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam 63 ngày kể từ ngày 09/11/2021 đến ngày 10/01/2022*). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù

còn lại là: **07 (bảy)** năm, **03 (ba)** tháng, **27 (hai mươi bảy)** ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Căn cứ: Các điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Ngọc C 07 (bảy)** năm, **06 (sáu)** tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 28/12/2021.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Vũ Thị Sâ, Nguyễn Ngọc C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND quận T;
- Công an quận T;
- PV27; PC81 Công an TP. Đà Nẵng;
- TAND quận T;
- THA DS quận T;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Vĩnh Chuyển